

**CÔNG TY CỔ PHẦN 22**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



## CÔNG TY CỔ PHẦN 22

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

### MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32

## CÔNG TY CỔ PHẦN 22

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Lợi,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

đính kèm báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Chúng tôi, các thành viên Ban Điều hành Công ty Cổ phần 22 (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trung Dũng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 01/7/2024) và Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2024)
Ông Tạ Cao Phong	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 01/7/2024) và Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 29/11/2024)
Bà Đỗ Thị Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/11/2024)
Ông Vũ Văn Minh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tuyết Phượng	Thành viên
Ông Phạm Đức Dương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/11/2024)

#### Ban Điều hành

Ông Nguyễn Trung Dũng	Người đại diện theo pháp luật của Công ty (Bổ nhiệm ngày 01/7/2024 và Miễn nhiệm Tổng Giám đốc Công ty; Giám đốc Chi nhánh TP HCM từ ngày 01/7/2024)
Ông Tạ Cao Phong	Người đại diện theo pháp luật của Công ty (Miễn nhiệm từ ngày 01/7/2024)
Ông Vũ Văn Minh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/7/2024)
Ông Phạm Đức Dương	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/7/2024)

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**CÔNG TY CỔ PHẦN 22**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Lợi,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

đính kèm báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

(tiếp theo)

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

**CÔNG TY CỔ PHẦN 22**



**Nguyễn Trung Dũng**

Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025



Số: 1503.01-25/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2025

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Điều hành**  
**Công ty Cổ phần 22**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 22 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 08/03/2024 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Trần Quốc Tuấn**

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Ngô Bá Thiêm**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3422-2025-034-1



Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>146.773.460.757</b>	<b>132.270.248.389</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>39.099.193.216</b>	<b>59.465.077.756</b>
1 Tiền	111		39.099.193.216	59.465.077.756
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>58.569.957.820</b>	<b>32.588.775.656</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	59.209.635.152	33.256.680.034
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	83.220.450	1.102.347.308
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	178.099.881	385.846.043
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(900.997.663)	(2.156.097.729)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6.</b>	<b>49.104.309.721</b>	<b>39.984.262.696</b>
1 Hàng tồn kho	141		49.104.309.721	39.984.262.696
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>232.132.281</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.	-	232.132.281
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>31.254.040.423</b>	<b>33.351.470.068</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>29.909.914.445</b>	<b>32.485.964.535</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	29.873.114.450	32.421.145.070
- Nguyên giá	222		137.343.937.627	133.848.428.573
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.470.823.177)	(101.427.283.503)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	36.799.995	64.819.465
- Nguyên giá	228		515.461.503	515.461.503
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(478.661.508)	(450.642.038)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.344.125.978</b>	<b>865.505.533</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	1.344.125.978	865.505.533
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>178.027.501.180</b>	<b>165.621.718.457</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>107.821.660.617</b>	<b>96.647.512.012</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>104.643.010.617</b>	<b>91.953.721.103</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.	60.463.903.477	41.309.658.345
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.	4.626.091.646	234.050.367
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.	5.425.341.880	10.928.319.779
4 Phải trả người lao động	314		14.509.770.993	9.404.847.943
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13.	39.895.002	155.110.122
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.	4.179.399.753	7.003.097.451
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.	-	6.287.722.764
8 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15.	7.042.254.290	7.047.342.907
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.356.353.576	9.583.571.425
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.178.650.000</b>	<b>4.693.790.909</b>
1 Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.15.	3.178.650.000	4.693.790.909
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>70.205.840.563</b>	<b>68.974.206.445</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17.</b>	<b>70.205.840.563</b>	<b>68.974.206.445</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.500.000.000	35.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.500.000.000	35.500.000.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		26.884.723.995	26.884.723.995
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.821.116.568	6.589.482.450
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.821.116.568	6.589.482.450
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>178.027.501.180</b>	<b>165.621.718.457</b>

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN 22

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty





Nguyễn Trường Định

Nguyễn Thị Hoài Giang

Nguyễn Trung Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	365.016.148.908	305.885.814.555
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	4.269.355.001	3.801.970.777
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		360.746.793.907	302.083.843.778
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	314.121.974.687	257.405.828.288
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		46.624.819.220	44.678.015.490
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	253.988.774	46.031.099
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	88.347.852	310.342.169
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.957.852	216.297.169
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	8.237.100.445	12.209.692.400
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	28.866.141.082	24.327.852.517
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		9.687.218.615	7.876.159.503
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	94.783.220	514.348.569
12. Chi phí khác	32	VI.7.	3.203.500	153.655.009
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		91.579.720	360.693.560
14. Tổng lợi nhuận-kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.778.798.335	8.236.853.063
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10.	1.957.681.767	1.647.370.613
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.821.116.568	6.589.482.450
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	2.203,13	1.000,00

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN 22

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo  
pháp luật của Công ty

Nguyễn Trường Định

Nguyễn Thị Hoài Giang

Nguyễn Trung Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		360.127.453.531	340.167.084.680
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(299.902.852.052)	(278.613.443.267)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(38.351.353.861)	(38.030.998.827)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(8.957.852)	(208.459.049)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.548.652.013)	(1.723.605.508)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.803.155.514	1.742.402.971
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(28.405.434.763)	(20.218.849.448)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(7.286.641.496)</b>	<b>3.114.131.552</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.495.509.054)	(1.384.179.909)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		253.122.416	45.582.263
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.242.386.638)</b>	<b>(1.338.597.646)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	14.169.602.748
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.287.722.764)	(7.881.879.984)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.550.000.000)	(4.260.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(9.837.722.764)</b>	<b>2.027.722.764</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(20.366.750.898)</b>	<b>3.803.256.670</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>59.465.077.756</b>	<b>55.661.372.250</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		866.358	448.836
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>39.099.193.216</b>	<b>59.465.077.756</b>

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN 22

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty



Nguyễn Trường Định

Nguyễn Thị Hoài Giang

Nguyễn Trung Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần 22 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập từ việc chuyển đổi (cổ phần hóa) doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1392/QĐ-BQP ngày 12/06/2007 và Quyết định số 2491/QĐ-BQP ngày 05/09/2007 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty Cổ phần 22 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100512724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/11/2007. Công ty đã có 14 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 12/07/2024 người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Trung Dũng và vốn Điều lệ của Công ty là **35.500.000.000 VND** (Ba mươi lăm tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán là C22

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

- Công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất dụng cụ huấn luyện, dụng cụ gia đình và các sản phẩm kim khí ngành quân trang, khai thác xử lý và cung cấp nước sạch.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Công nghiệp chế biến lương thực; Công nghiệp chế biến thực phẩm;
- Sản xuất mặt hàng doanh cụ, dụng cụ huấn luyện, logo, biểu tượng, kỷ niệm chương; Công nghiệp cung cấp dụng cụ cấp dưỡng, dụng cụ gia đình, và các sản phẩm kim khí ngành quân trang...;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Trụ sở công ty tại: Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Việt Nam

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên Đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty CP 22	Số 155 Đường Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
Xí nghiệp 24	53 Đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Xí nghiệp 22	40 Vũ Xuân Thiều, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Hà Nội
Xí nghiệp 198	Xã Duyên Thái, Huyện Thường Tín, Hà Nội
Xí nghiệp Thương mại dịch vụ	55 Vũ Xuân Thiều, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Hà Nội



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**7. Số lượng cán bộ công nhân viên**

Số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày 31/12/2024 là 287 người (tại ngày 31/12/2023 là 290 người).

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính. giả định đặt ra.

**3. Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự dẫn đến khả năng không thu hồi được đúng hạn.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**6. Nguyên tắc kế toán và phương pháp khấu hao TSCĐ****6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**6.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính, nhãn hiệu, tên thương mại và hệ thống QLCL ISO 9001-2000.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm phần mềm đưa vào sử dụng. Phần mềm máy tính và nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và chi phí sửa chữa tài sản cố định.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí kiểm toán là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành sản phẩm bếp dầu.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa được xác định theo tỷ lệ là 5% trên doanh thu bán hàng của các sản phẩm, hàng hóa. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ bình quân gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, lãi tiền gửi.

**Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****14.1 Các nghĩa vụ về thuế****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**15. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận lĩnh vực kinh doanh) hoặc vào việc cung cấp sản phẩm dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo lĩnh vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm phục vụ bộ đội cho các đơn vị trong toàn quân và chủ yếu được phân phối trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****1. Tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	942.318.301	2.205.438.953
Tiền gửi ngân hàng	38.156.874.915	57.259.638.803
<b>Cộng</b>	<b>39.099.193.216</b>	<b>59.465.077.756</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN 22**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Lợi,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**2. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Cục quân nhu - Tổng cục hậu cần - kỹ thuật	34.907.479.366	-	1.531.149.523	-
Cục hậu cần - Quân khu 7	5.900.930.000	-	11.060.900.000	-
Công ty CP Thép Mê Lin	-	-	5.557.629.000	-
Cục Quân khí - Tổng cục hậu cần - kỹ thuật	-	-	2.703.919.900	-
Cục quân huấn/Bộ tổng tham mưu	3.426.994.300	-	-	-
Các đối tượng khác	14.974.231.486	(900.997.663)	12.403.081.611	(2.156.097.729)
<b>Cộng</b>	<b>59.209.635.152</b>	<b>(900.997.663)</b>	<b>33.256.680.034</b>	<b>(2.156.097.729)</b>

b) *Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2*

**3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Thương mại Khí công nghiệp	-	70.000.000
Công ty TNHH TM & chuyển giao công nghệ Kiên Cường	-	508.550.400
Công ty TNHH ATP Việt Nam	66.376.800	-
EPASS Công ty cổ phần 22	16.843.650	35.696.908
Công ty cổ phần thiết bị và giải pháp cơ khí Automech	-	488.100.000
<b>Cộng</b>	<b>83.220.450</b>	<b>1.102.347.308</b>

**4. Phải thu khác**

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	97.423.164	-	336.728.538	-
Xí nghiệp 22	42.508.206	-	103.427.284	-
Xí nghiệp 24	688.559	-	1.648.000	-
Ông Nguyễn Đức Minh	-	-	122.000.000	-
Các đối tượng khác	54.226.399	-	109.653.254	-
Ký cược, ký quỹ	80.676.717	-	49.117.505	-
<b>Cộng</b>	<b>178.099.881</b>	<b>-</b>	<b>385.846.043</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN 22**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Lợi,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**5. Nợ xấu**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi, chưa trích lập dự phòng</b>				
Phải thu khách hàng				
Công ty TNHH MTV Nội thất Hồng Phú	42.700.000	-	42.700.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện nước Việt Nam	-	-	392.456.066	-
Tổng Công ty Thành An	-	-	237.500.000	-
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh Hoàng Quân	768.221.700	-	768.221.700	-
Các đối tượng khác	90.075.963	-	715.219.963	-
<b>Cộng</b>	<b>900.997.663</b>	<b>-</b>	<b>2.156.097.729</b>	<b>-</b>

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.237.686.821	-	13.527.880.137	-
Công cụ, dụng cụ	353.069.960	-	386.355.558	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.564.433.627	-	1.474.786.261	-
Thành phẩm	29.196.620.848	-	22.679.145.882	-
Hàng hóa	1.752.498.465	-	1.916.094.858	-
<b>Cộng</b>	<b>49.104.309.721</b>	<b>-</b>	<b>39.984.262.696</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>	-	232.132.281
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	-	232.132.281
b) <b>Dài hạn</b>	1.344.125.978	865.505.533
Chi phí sửa chữa tài sản	1.072.182.145	653.849.699
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	241.727.167	129.639.167
Chi phí khác	30.216.666	82.016.667
<b>Cộng</b>	<b>1.344.125.978</b>	<b>1.097.637.814</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

**CÔNG TY CỔ PHẦN 22**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản dùng cho phúc lợi	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2024	61.802.527.540	59.842.719.141	8.590.440.784	1.066.881.516	2.545.859.592	133.848.428.573	
Mua trong năm	-	3.095.054.509	286.363.636	114.090.909	-	3.495.509.054	
Số dư ngày 31/12/2024	61.802.527.540	62.937.773.650	8.876.804.420	1.180.972.425	2.545.859.592	137.343.937.627	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2024	46.787.790.963	46.838.670.082	5.763.007.884	1.019.470.735	1.018.343.839	101.427.283.503	
Khấu hao trong năm	2.755.072.623	2.435.872.031	573.257.769	24.751.291	254.585.960	6.043.539.674	
Số dư ngày 31/12/2024	49.542.863.586	49.274.542.113	6.336.265.653	1.044.222.026	1.272.929.799	107.470.823.177	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2024	15.014.736.577	13.004.049.059	2.827.432.900	47.410.781	1.527.515.753	32.421.145.070	
Tại ngày 31/12/2024	12.259.663.954	13.663.231.537	2.540.538.767	136.750.399	1.272.929.793	29.873.114.450	

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 64.378.303.804 VND (tại ngày 31/12/2023 là 58.328.315.730 VND)



**CÔNG TY CỔ PHẦN 22**Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Lợi,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhãn hiệu, tên thương mại	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư ngày 01/01/2024	250.000.000	153.366.600	112.094.903	515.461.503
Số dư ngày 31/12/2024	250.000.000	153.366.600	112.094.903	515.461.503
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư ngày 01/01/2024	231.180.526	107.366.609	112.094.903	450.642.038
Khấu hao trong năm	18.819.474	9.199.996	-	28.019.470
Số dư ngày 31/12/2024	250.000.000	116.566.605	112.094.903	478.661.508
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2024	18.819.474	45.999.991	-	64.819.465
Tại ngày 31/12/2024	-	36.799.995	-	36.799.995

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 423.461.503 VND (tại ngày 31/12/2023: 211.094.903 VND)

**10. Phải trả người bán**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH cơ khí Tâm Giang	5.163.079.125	5.163.079.125	791.816.380	791.816.380
Công ty TNHH GI Thanh Phong	5.101.752.400	5.101.752.400	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thanh Bình - Bộ công an - Nhà máy sản xuất thiết bị chuyên dùng 2	4.246.540.000	4.246.540.000	-	-
Công ty cổ phần nội thất Xuân Hòa	3.885.189.300	3.885.189.300	886.524.870	886.524.870
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu hương liệu Việt Úc	2.344.397.516	2.344.397.516	943.578.316	943.578.316
Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT Vina	2.056.762.400	2.056.762.400	-	-
Công ty TNHH In và Bao bì Tân Phát	1.907.614.828	1.907.614.828	742.415.860	742.415.860

**CÔNG TY CỔ PHẦN 22**Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Lợi,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty Cổ phần Cơ khí áp lực Đông Anh	1.858.872.582	1.858.872.582	5.329.286.481	5.329.286.481
Công ty TNHH Công nghiệp Ling Jang Việt Nam	1.851.281.045	1.851.281.045	1.922.505.768	1.922.505.768
Công ty TNHH Inox Thăng Long	1.733.780.400	1.733.780.400	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Bảo Nam	1.545.045.840	1.545.045.840	1.109.624.400	1.109.624.400
Công ty TNHH Thương mại Phú Đức	-	-	5.500.918.500	5.500.918.500
Công ty TNHH Phát triển CN & KT TDH Việt Nam	-	-	2.292.905.110	2.292.905.110
Các đối tượng khác	28.769.588.041	28.769.588.041	21.790.082.660	21.790.082.660
<b>Cộng</b>	<b>60.463.903.477</b>	<b>60.463.903.477</b>	<b>41.309.658.345</b>	<b>41.309.658.345</b>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

**11. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Sư đoàn 395 - Quận khu 3	3.120.000.000	-
Mogogo Ltd	102.398.369	102.398.369
Các đối tượng khác	1.403.693.277	131.651.998
<b>Cộng</b>	<b>4.626.091.646</b>	<b>234.050.367</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
<b>Phải nộp</b>				
Thuế GTGT đầu ra	9.140.207.082	10.718.718.252	15.653.188.923	4.205.736.411
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	28.025.234	28.025.234	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.647.370.613	1.957.681.767	2.548.652.013	1.056.400.367
Thuế thu nhập cá nhân	140.742.084	782.377.308	759.914.290	163.205.102
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		2.126.372.276	2.126.372.276	-
Các loại thuế khác		4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.928.319.779</b>	<b>15.617.174.837</b>	<b>21.120.152.736</b>	<b>5.425.341.880</b>

Đơn vị tính: VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN 22**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Lợi,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**13. Chi phí phải trả**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Trích trước chi phí kiểm toán báo cáo tài chính	-	70.000.000
Trích trước chi phí lắp đặt bếp dầu	39.895.002	77.272.002
Trích trước chi phí lãi vay	-	7.838.120
<b>Cộng</b>	<b>39.895.002</b>	<b>155.110.122</b>

**14. Phải trả khác**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn	1.749.146.207	1.858.922.312
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.039.654.000	994.502.000
<i>Trường Cao đẳng Y dược Tuệ Tĩnh Hà Nội</i>	<i>154.142.000</i>	<i>154.142.000</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Minh Quang</i>	<i>110.000.000</i>	<i>110.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Vinpro Hà Nội</i>	<i>113.160.000</i>	<i>113.160.000</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>662.352.000</i>	<i>617.200.000</i>
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	1.390.599.546	4.149.673.139
<i>Phòng Tài chính - Tổng Cục hậu cần - Kỹ thuật (*)</i>	<i>-</i>	<i>2.800.000.000</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>1.390.599.546</i>	<i>1.349.673.139</i>
<b>Cộng</b>	<b>4.179.399.753</b>	<b>7.003.097.451</b>

*b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2*

(\*) Khoản phải trả về việc tạm ứng sản xuất hàng quốc phòng.

**15. Dự phòng phải trả**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>7.042.254.290</i>	<i>7.047.342.907</i>
Dự phòng bảo hành sản phẩm bếp dầu	4.661.454.290	4.047.342.907
Dự phòng quỹ tiền lương	2.380.800.000	3.000.000.000
<i>b) Dài hạn</i>	<i>3.178.650.000</i>	<i>4.693.790.909</i>
Dự phòng bảo hành sản phẩm bếp dầu	3.178.650.000	4.693.790.909
<b>Cộng</b>	<b>10.220.904.290</b>	<b>11.741.133.816</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN 22**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**16. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND	
		Tăng	Giảm	
a) Ngắn hạn	-	-	6.287.722.764	6.287.722.764
<i>Vay ngân hàng</i>	-	-	6.287.722.764	6.287.722.764
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	-	-	6.287.722.764	6.287.722.764
<b>Cộng</b>	-	-	<b>6.287.722.764</b>	<b>6.287.722.764</b>

Khoản vay Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023/11927234/HĐTD ngày 21/09/2023 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, hạn mức tín dụng là 15 tỷ đồng, thời hạn vay tối đa 03 tháng kể từ ngày nhận nợ, khoản vay không có tài sản đảm bảo.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**17. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
				Cộng
<b>Số dư ngày 01/01/2023</b>	<b>35.500.000.000</b>	<b>2.874.043.087</b>	<b>8.833.003.261</b>	<b>47.207.046.348</b>
Lãi trong năm nay	-	-	6.589.482.450	6.589.482.450
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	(2.499.610.771)	(2.499.610.771)
Chia cổ tức	-	(2.874.043.087)	(1.385.956.913)	(4.260.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(4.665.265.577)	(4.665.265.577)
Trích quỹ thưởng người quản lý	-	-	(282.170.000)	(282.170.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	<b>35.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>6.589.482.450</b>	<b>42.089.482.450</b>
Lãi trong năm nay	-	-	7.821.116.568	7.821.116.568
Chia cổ tức (*)	-	-	(3.550.000.000)	(3.550.000.000)
Trích lập các quỹ (*)	-	-	(2.755.412.450)	(2.755.412.450)
Trích quỹ thưởng người quản lý (	-	-	(284.070.000)	(284.070.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2024</b>	<b>35.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>7.821.116.568</b>	<b>43.321.116.568</b>

(\*) Chia cổ tức và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 646/2024/NQ-ĐHCD ngày 05/07/2024.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tổng cục Hậu cần - kỹ thuật/Bộ Quốc phòng	18.227.640.000	18.227.640.000
Các cổ đông khác	17.272.360.000	17.272.360.000
<b>Cộng</b>	<b>35.500.000.000</b>	<b>35.500.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>35.500.000.000</b>	<b>35.500.000.000</b>
Vốn góp đầu năm	35.500.000.000	35.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	35.500.000.000	35.500.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>3.550.000.000</b>	<b>4.260.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.550.000	3.550.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.550.000	3.550.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.550.000	3.550.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.550.000	3.550.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.550.000	3.550.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-

**Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu****f) Các quỹ của công ty**

Khoản mục	01/01/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính:
				31/12/2024
Quỹ đầu tư phát triển	26.884.723.995	-	-	26.884.723.995
<b>Cộng</b>	<b>26.884.723.995</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>26.884.723.995</b>

**\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty**

- Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

**18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****a) Ngoại tệ các loại:**

	31/12/2024	01/01/2024
Dollar Mỹ (USD)	695,87	695,87

**b) Hàng hóa giữ hộ khách hàng**

Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	
		31/12/2024	01/01/2024
Lương khô BB702	Kg	-	386,40
Lương khô bay 15g loại 180g/túi	Kg	-	25,20
Lương khô bay 70g	Kg	-	2.100,00
Lương khô Happy life new 15g loại 180g/túi	Kg	-	25,20
Lương khô 794 K17	Kg	-	9.000,00
Lương khô bay 100g	Kg	-	46.952,00



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Lương khô Hương quế	Kg	-	210,00
Lương khô Dream Business	Kg	-	13,40
Lương khô Happy life new loại 2,1kg	Kg	-	260,40
Lương khô Happy life new loại 4,2kg	Kg	-	854,70
Lương khô quân nhu 65g	Kg	-	2.502,50
Bánh ép 130g	Kg	-	650,00
Bánh quy hương thảo 160g	Kg	-	19,20
Bánh quy hương thảo 235g	Kg	-	10.123,80
Bánh quy hương thảo 355g	Kg	-	2.208,10

<b>c) Nợ khó đòi đã xử lý</b>		<b>31/12/2024</b>
		<b>VND</b>
Ban Điều hành Dự án 11B - Tổng công ty Thành An		237.500.000
Công ty TNHH Green Built		217.605.000
Công ty TNHH Việt An Huy		87.000.000
Công ty cổ phần xây dựng điện nước Việt Nam		392.456.066
Công ty TNHH tư vấn thiết kế Xây dựng Vạn Long		85.439.000
CN Công ty TNHH MTV Xây dựng Vận tải Hùng Vương - Xí nghiệp 130		65.000.000
Công ty CP Xây Lắp điện nước An Thái		170.100.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.255.100.066</b>

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng	357.836.510.297	298.402.563.824
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	7.179.638.611	7.483.250.731
<b>Cộng</b>	<b>365.016.148.908</b>	<b>305.885.814.555</b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2****2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.269.355.001	3.801.970.777
<b>Cộng</b>	<b>4.269.355.001</b>	<b>3.801.970.777</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN 22**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Lợi,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	311.349.965.404	254.320.744.969
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.772.009.283	3.186.691.675
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(101.608.356)
<b>Cộng</b>	<b>314.121.974.687</b>	<b>257.405.828.288</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	253.122.416	45.582.263
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	866.358	448.836
<b>Cộng</b>	<b>253.988.774</b>	<b>46.031.099</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.957.852	216.297.169
Chiết khấu thanh toán	79.390.000	94.045.000
<b>Cộng</b>	<b>88.347.852</b>	<b>310.342.169</b>

**6. Thu nhập khác**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý phế liệu	67.647.540	514.348.569
Thu nhập khác	27.135.680	-
<b>Cộng</b>	<b>94.783.220</b>	<b>514.348.569</b>

**7. Chi phí khác**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thanh lý phế liệu	-	100.717.329
Phạt vi phạm hành chính	2.690.940	-
Chi phí khác	512.560	52.937.680
<b>Cộng</b>	<b>3.203.500</b>	<b>153.655.009</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>8.237.100.445</b>	<b>12.209.692.400</b>
Chi phí nhân viên	3.592.427.492	3.062.164.861
Chi phí vật liệu, bao bì	2.780.708	3.516.404
Chi phí khấu hao TSCĐ	320.099.019	380.113.691
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.917.002.346	3.232.681.720
Chi phí bằng tiền khác	1.176.722.582	1.262.436.984
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng bảo hành sản phẩm	(771.931.702)	4.268.778.740
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>29.350.352.382</b>	<b>24.327.852.517</b>
Chi phí nhân viên quản lý	13.974.507.286	12.108.121.262
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.829.210.472	1.092.417.227
Chi phí khấu hao tài sản cố định	999.202.753	918.792.292
Thuế, phí và lệ phí	1.200.362.338	1.021.209.249
Chi phí dự phòng	2.380.800.000	3.653.255.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.426.057.637	1.439.371.232
Chi phí bằng tiền khác	7.540.211.896	4.094.686.065
<b>c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(484.211.300)</b>	<b>-</b>
Hoàn nhập dự phòng quỹ tiền lương	(484.211.300)	-
<b>Cộng</b>	<b>37.103.241.527</b>	<b>36.537.544.917</b>

**9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	261.804.135.246	186.600.357.932
Chi phí nhân công	55.614.571.435	44.075.510.697
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.816.973.184	4.861.909.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.894.105.519	7.932.983.067
Chi phí khác bằng tiền	13.286.149.394	11.081.194.048
<b>Cộng</b>	<b>348.415.934.778</b>	<b>254.551.955.154</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	9.778.798.335	8.236.853.063
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	3.203.500	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	9.782.001.835	8.236.853.063
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.956.400.367	1.647.370.613
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, được giảm	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	1.281.400	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.957.681.767	1.647.370.613

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	(Trính bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.821.116.568	6.589.482.450
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(3.039.482.450)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	3.039.482.450
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	2.755.412.450
+ Số trích quỹ thưởng người quản lý (*)	-	284.070.000
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.821.116.568	3.550.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.550.000	3.550.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.203,13	1.000,00

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý cho năm 2023 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 646/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/7/2024 của Công ty. Công ty chưa có dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý trên lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Do đó, lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 chưa loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý.

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 646/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/7/2024. Cụ thể như sau:

	Năm 2023		
	Số trước điều chỉnh	Số điều chỉnh	Số sau điều
	VND	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	6.589.482.450	-	6.589.482.450
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(3.039.482.450)	(3.039.482.450)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản điều chỉnh giảm	-	(3.039.482.450)	(3.039.482.450)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; quỹ thưởng người quản lý	-	(3.039.482.450)	(3.039.482.450)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.589.482.450	3.039.482.450	3.550.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.550.000	-	3.550.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.856	(856)	1.000

**VII. Những thông tin khác**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Do thay đổi địa giới hành chính từ phường Sài Đồng sang phường Phúc Lợi nên Công ty đã thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào ngày 17/01/2025. Theo đó, địa chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty là: Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**a) Danh sách các bên liên quan**

**Bên liên quan**

Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần - kỹ thuật  
 Cục Hậu cần - Tổng cục Hậu cần - kỹ thuật  
 Cục Doanh trại - Tổng cục Hậu cần - kỹ thuật  
 Công ty Cổ phần 32  
 Công ty Cổ phần 26  
 Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28  
 Công ty Cổ phần X20  
 Công ty TNHH MTV X20 Nam Định  
 Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An  
 Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên  
 Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa  
 Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng

**Mối quan hệ**

Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật  
 Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật  
 Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật  
 Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật  
 Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật  
 Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật  
 Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật  
 Công ty con của đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật  
 Công ty con của đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật  
 Công ty con của đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật  
 Công ty con của đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật  
 Công ty con của đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật



**CÔNG TY CỔ PHẦN 22**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Lợi,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi

Công ty con của đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

**b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<b>Bán hàng</b>	<b>125.528.789.650</b>	<b>61.142.748.163</b>
Công ty Cổ phần 26	346.185.052	74.626.849
Cục quân nhu - Tổng cục hậu cần- kỹ thuật	108.609.757.004	46.783.371.749
Cục Doanh trại - Tổng cục Hậu cần - kỹ thuật	15.127.777.778	13.543.636.363
Cục Hậu cần - Tổng cục Hậu cần - kỹ thuật	531.818.182	121.240.000
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	35.888.889	45.333.333
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	31.166.667	-
Công ty Cổ phần 32	15.650.000	-
Công ty Cổ phần X20	433.952.930	180.490.333
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	47.395.833	49.513.889
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	59.265.741	66.995.370
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	191.465.278	218.282.407
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	98.466.296	59.257.870

**c) Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>35.168.259.366</b>	<b>1.531.149.523</b>
Công ty Cổ phần X20	260.780.000	-
Cục Quân nhu - Tổng Cục hậu cần - kỹ thuật	34.907.479.366	1.531.149.523
<b>Các khoản phải trả khác</b>	<b>-</b>	<b>2.800.000.000</b>
Tổng cục Hậu cần - kỹ thuật	-	2.800.000.000

**d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<b>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</b>		
<b>Thu nhập của Ban Điều hành Chức danh</b>	<b>1.296.298.000</b>	<b>1.497.813.586</b>
Ông Nguyễn Trung Dũng	505.385.600	467.916.971
Người đại diện theo pháp luật Công ty (Thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc chi nhánh TP HCM từ ngày 01/7/2024)		



**CÔNG TY CỔ PHẦN 22**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Lợi,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Ông Tạ Cao Phong	Người đại diện theo pháp luật Công ty (Miễn nhiệm từ ngày 01/7/2024)	278.538.400	570.242.093
Ông Vũ Văn Minh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/7/2024)	454.690.000	223.923.300
Ông Phạm Đức Dương	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/7/2024)	57.684.000	-
Ông Bùi Việt Tuấn	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16/10/2023)	-	235.731.222
<b>Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị</b>	<b>Chức danh</b>	<b>256.000.000</b>	<b>96.000.000</b>
Ông Nguyễn Trung Dũng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 01/7/2024) và Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2024)	60.000.000	-
Ông Tạ Cao Phong	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 01/7/2024) và Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 29/11/2024)	56.000.000	-
Bà Đỗ Thị Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/11/2024)	44.000.000	48.000.000
Ông Vũ Văn Minh	Thành viên	48.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Tuyết Phượng	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Phạm Đức Dương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/11/2024)	4.000.000	-
<b>Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát</b>	<b>Chức danh</b>	<b>120.000.000</b>	<b>120.000.000</b>
Ông Trần Duy Dương	Trưởng Ban	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Đỗ Thị Giang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 05/7/2024)	18.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Kim Loan	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 05/7/2024)	18.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>1.672.298.000</b>	<b>1.713.813.586</b>

**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần 22 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN 22**

Chủ tịch HĐQT, người đại diện  
theo pháp luật của Công ty

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Trường Định

Nguyễn Thị Hoài Giang

Nguyễn Trung Dũng